

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 09/2001/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 10 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân

Ngày 13 tháng 8 năm 2001, Chính phủ ban hành Nghị định số 48/2001/ NĐ -CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số điểm cụ thể sau đây.

I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh.

1.1 .Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điểm chưa được quy định cụ thể trong Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.

1.2. Những nội dung sau đây có hướng dẫn riêng: Cấp và thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; cho vay của Quỹ tín dụng nhân dân đối với khách hàng; về bảo đảm tiền vay; các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động; chế độ hạch toán kế toán; chế độ tài chính; phân loại tài sản “Có”, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người Điều hành; kiểm soát đặc biệt; chế độ cho vay trong hệ thống; kiểm toán; lập và sử dụng nguồn dự phòng khả năng chi trả; lập và sử dụng quỹ an toàn hệ thống; chấm điểm và xếp loại; chế độ thông tin, báo cáo.

2. Đối tượng áp dụng.

Thông tư này áp dụng đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân).

3. Tên và biểu tượng.

3.1. Tên của Quỹ tín dụng nhân dân do Hội nghị thành lập (đối với Quỹ tín dụng nhân dân thành lập mới) hoặc Đại hội thành viên (đối với Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động) quyết định, nhưng phải có cụm từ “Quỹ tín dụng nhân dân”.

3.2. Quỹ tín dụng nhân dân thống nhất sử dụng một biểu tượng chung thể hiện sức mạnh của hệ thống: Biểu tượng có 3 chữ QTD lồng lên nhau và hình tượng bông lúa.

II. QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CƠ SỞ

1. Địa bàn hoạt động.

1.1. Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chủ yếu hoạt động trong địa bàn một xã, một phường, một thị trấn (sau đây gọi chung là xã).

1.2. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở tổ chức theo liên xã phải là các xã liền kề với xã nơi Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đặt trụ sở chính trong cùng một huyện, quận, thị xã và phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân xã sở tại và các xã có liên quan; nhưng phải phù hợp với trình độ quản lý của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và khả năng kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

1.3. Trường hợp đặc biệt:

a. Đối với các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở liên xã, Quỹ tín dụng nhân dân đô thị được thành lập trong thời gian thí điểm, nếu địa bàn hoạt động không đúng theo quy định tại Điểm 1.2 trên đây, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương để rà soát, điều chỉnh, quy định địa bàn hoạt động cho phù hợp với trình độ quản lý của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và khả năng kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

b. Đối với các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hoạt động theo ngành nghề hoặc theo từng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố được thành lập trong thời gian thí

điểm, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố rà soát, điều chỉnh, quy định địa bàn hoạt động cho phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội tại địa phương, phù hợp với trình độ quản lý của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và khả năng kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

2. Thành viên.

2.1. Thành viên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở gồm:

a. Cá nhân là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Đối với những cá nhân có tài sản, có tổ chức sản xuất - kinh doanh và đăng ký tạm trú có thời hạn trên địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở cũng có thể được xem xét cho tham gia thành viên;

b. Hộ gia đình cử người đại diện có đủ điều kiện và tiêu chuẩn là thành viên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

c. Các hợp tác xã, tổ hợp tác có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, cử đại diện hợp pháp tham gia thành viên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

Các đối tượng quy định tại điểm a, b, c trên đây tự nguyện gia nhập, tán thành Điều lệ, góp đủ vốn đều có thể trở thành thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

d. Các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội là thành viên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trong thời gian thí điểm được tiếp tục duy trì tư cách thành viên. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chưa được tiếp tục phát triển thành viên mới thuộc đối tượng này.

2.2. Thành viên được góp vốn theo quy định của Điều lệ; mức vốn góp của mỗi thành viên (kể cả vốn nhận chuyển nhượng) tối thiểu là 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng), nhưng tối đa không vượt quá 30% (ba mươi phần trăm) so với tổng số Vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở tại thời điểm góp vốn và nhận chuyển nhượng.

2.3. Khi ra Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, thành viên được chuyển nhượng vốn góp, quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho người khác. Trường hợp thành viên ra Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở khi bị mất năng lực hành vi dân sự, di chuyển nơi cư trú ra

khỏi địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, thành viên bị khai trừ, nếu không chuyển nhượng được vốn góp cho người khác thì được trả lại vốn góp; việc trả lại vốn góp, lãi vốn góp (nếu có) phải căn cứ vào thực trạng tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở khi quyết toán cuối năm.

a. Thành viên được trả lại vốn góp sau khi đã giải quyết dứt điểm các nghĩa vụ tài chính của mình (nếu có) đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, bao gồm:

- Hoàn trả các khoản nợ vay (cả gốc và lãi);
- Các khoản tổn thất phải bồi hoàn do phải chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm;
- Các khoản lỗ trong kinh doanh, các khoản rủi ro trong hoạt động tương ứng với tỷ lệ vốn góp mà thành viên cùng chịu trách nhiệm theo quyết định của Đại hội thành viên.

b. Khi ra Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, thành viên được hưởng các quyền lợi thuộc quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo tỷ lệ vốn góp do Đại hội thành viên quyết định.

3. Tổ chức, Quản trị, Kiểm soát, Điều hành.

3.1. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có từ 100 thành viên trở lên có thể tổ chức Đại hội đại biểu thành viên. Việc bầu đại biểu, số lượng đại biểu đi dự Đại hội đại biểu thành viên do Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở quyết định.

3.2. Hội đồng quản trị được quyền quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ đến mức tối đa 10% so với tổng số vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, nhưng không quá 50 triệu đồng và tổng hợp báo cáo chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố và báo cáo trước Đại hội thành viên gần nhất. Trường hợp tăng, giảm vốn điều lệ vượt mức quy định trên phải được Đại hội thành viên thông qua và chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố chấp thuận bằng văn bản.

3.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có thể kiêm Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Việc kiêm nhiệm do Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở quy định và chỉ thực hiện đối với những Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có nguồn vốn hoạt động dưới 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

3.4. Kiểm soát: